

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

MỤC LỤC

Trang

1. Mục lục

2. Báo cáo của Ban Giám đốc

3. Báo cáo kiểm toán độc lập

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

4. Báo cáo tài chính hợp đồng kinh doanh năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

5. Báo cáo tài chính hợp đồng kinh doanh năm 2013

6. Báo cáo tài chính của đơn vị (tổ chức) năm 2013

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình về Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2013 theo ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được biên soạn.

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2013	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2013	15 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vinavico tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Nam Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103008626 ngày 06 tháng 4 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được 11 lần cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc thay đổi tên, địa chỉ và vốn điều lệ từ 30.000.000.000 VND thành 96.543.810.000 VND.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 24 tháng 09 năm 2013:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Mai Hồng Bằng	19.355.220.000	20,05%
Các cổ đông khác	77.188.590.000	79,95%
Cộng	96.543.810.000	100%

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Điện thoại : 04.37.573.879
Fax : 04.37.573.880
E-mail : vinavicogroup@hn.vnn.vn
Mã số thuế : 0101910492

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 04 tháng 6 năm 2013 là:

- Lập trình máy tính;
- Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán mô tô, xe máy;
- Vệ sinh chung nhà cửa;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Phá dỡ;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Sửa chữa thiết bị liên lạc;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc cho thuê;
- Đại lý;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác quặng sắt; khai thác và thu gom than bùn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Quảng cáo;
- Xuất bản phần mềm;
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
- Sản xuất linh kiện điện tử; sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- Khai thác và thu gom than cứng; khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Tư vấn đầu tư không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Cắt tạo đá và hoàn thiện đá;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (chi tiết: ủy thác xuất nhập khẩu).

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 43).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Mai Hồng Bằng	Chủ tịch	Ngày 29 tháng 6 năm 2011	
Ông Nguyễn Thanh Hoàn	Ủy viên	Ngày 29 tháng 6 năm 2011	
Ông Nguyễn Quang Hưng	Ủy viên	Ngày 01 tháng 10 năm 2012	
Ông Mai Văn Sơn	Ủy viên	Ngày 27 tháng 4 năm 2013	
Ông Trần Trọng Huy	Ủy viên	Ngày 27 tháng 4 năm 2013	
Ông Nguyễn Ngọc Lâm	Ủy viên	Ngày 29 tháng 6 năm 2011	Ngày 27 tháng 4 năm 2013
Ông Đinh Thanh Bình	Ủy viên	Ngày 29 tháng 6 năm 2011	Ngày 27 tháng 4 năm 2013

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Anh Tuấn	Trưởng Ban	Ngày 29 tháng 6 năm 2011	
Ông Nguyễn Công Đường	Thành viên	Ngày 29 tháng 6 năm 2011	
Ông Mai Xuân Hòa	Thành viên	Ngày 07 tháng 5 năm 2012	

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Mai Hồng Bằng	Tổng Giám đốc	Ngày 05 tháng 5 năm 2006	
Ông Trần Trọng Huy	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 11 tháng 7 năm 2011	Ngày 01 tháng 12 năm 2013

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vinavico tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,
Tổng Giám đốc



Mai Hồng Bằng

Ngày 28 tháng 03 năm 2014



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Trần Ngọc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 232/2014/BCTC-KTTV-KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vinavico, được lập ngày 28 tháng 03 năm 2014, từ trang 08 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vinavico tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính này tại ngày 30 tháng 03 năm 2013.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư - Phó Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0059-2013-008-1

Trần Anh Tuấn - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1708-2013-008-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		49.873.096.846	59.374.412.988
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.302.092.374	4.130.978.162
1. Tiền	111		1.302.092.374	4.130.978.162
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		241.159.525	67.050.237
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	302.325.055	302.325.055
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(61.165.530)	(235.274.818)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.104.858.619	31.525.710.529
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	18.352.045.956	23.082.537.862
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	3.381.881.638	7.954.042.919
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	3.895.289.090	3.956.132.274
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(4.524.358.065)	(3.467.002.526)
IV. Hàng tồn kho	140		15.547.630.178	9.767.279.036
1. Hàng tồn kho	141	V.8	15.547.630.178	9.767.279.036
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.677.356.150	13.883.395.024
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	188.718.369	280.451.383
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.398.876.386	1.940.220.573
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	9.089.761.395	11.662.723.068

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		87.366.059.126	78.334.110.327
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		59.908.148.299	67.612.705.843
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	28.284.772.433	17.573.018.752
<i>Nguyên giá</i>	222		35.128.395.738	23.020.806.627
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(6.843.623.305)	(5.447.787.875)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	21.416.657	31.696.661
<i>Nguyên giá</i>	228		51.400.000	51.400.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(29.983.343)	(19.703.339)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	31.601.959.209	50.007.990.430
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		14.122.939.926	10.319.981.009
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	-	5.924.876.909
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	7.335.397.909	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	9.421.709.085	10.190.862.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.17	(2.634.167.068)	(5.795.757.900)
V. Tài sản dài hạn khác	260		13.334.970.901	401.423.475
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	13.334.970.901	319.423.475
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	82.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		137.239.155.972	137.708.523.315

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		40.205.800.249	45.546.648.796
I. Nợ ngắn hạn	310		39.524.293.340	45.179.463.159
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	2.179.278.008	-
2. Phải trả người bán	312	V.20	31.672.900.711	33.021.580.348
3. Người mua trả tiền trước	313	V.21	2.417.097.122	3.228.938.064
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	2.111.911.255	2.747.898.684
5. Phải trả người lao động	315		521.228.974	791.717.663
6. Chi phí phải trả	316	V.23	167.099.777	733.752.955
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.24	646.646.495	4.783.844.447
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25	(191.869.002)	(128.269.002)
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		681.506.909	367.185.637
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	367.185.637
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.26	681.506.909	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.27	97.033.355.723	92.161.874.519
I. Vốn chủ sở hữu	410		97.033.355.723	92.161.874.519
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		96.543.810.000	92.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.298.680.000	6.298.680.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(1.686.650.000)	(1.686.650.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		807.672.120	807.672.120
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		724.415.361	724.415.361
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(5.654.571.758)	(5.982.242.962)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		137.239.155.972	137.708.523.315

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		34.065,83	5.063,95
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Đồng Thị Thắm

Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Hoa Huệ

Lập ngày 28 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám đốc



Mai Hồng Bằng

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVIDEO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	26.004.112.137	31.952.291.485
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		39.522.168	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		25.964.589.969	31.952.291.485
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	21.899.141.886	22.359.699.119
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.065.448.083	9.592.592.366
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	360.119.694	329.858.271
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(2.305.454.713)	4.824.636.908
Trong đó: chi phí lãi vay	23		85.930.256	173.678.345
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	651.386.016	2.677.801.835
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	5.072.045.097	9.057.328.130
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.007.591.377	(6.637.316.236)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2.574.546.178	6.384.586.258
12. Chi phí khác	32	VI.8	3.621.651.988	5.362.327.347
13. Lợi nhuận khác	40		(1.047.105.810)	1.022.258.911
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(39.514.433)	(5.615.057.325)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(367.185.637)	367.185.637
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		327.671.204	(5.982.242.962)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	34	(627)

Người lập biểu

Đông Thị Thắm

Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Hoa Huệ

Lập ngày 28 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám đốc



Mai Hồng Bằng

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(39.514.433)	(5.615.057.325)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2.864.215.790	3.727.993.045
- Các khoản dự phòng	03		(2.278.344.581)	4.190.153.212
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		332.085.292	37.337.285
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		1.295.198.930	2.266.405.265
- Chi phí lãi vay	06		85.930.256	173.678.345
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.259.571.254	4.780.509.827
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		11.813.544.684	5.057.180.222
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.780.351.142)	(4.302.905.821)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		3.322.384.081	(808.347.326)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(12.672.502.370)	72.960.786
- Tiền lãi vay đã trả	13		(77.213.144)	(173.678.345)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(653.200.066)	(98.962.144)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		107.906.264	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(118.906.264)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.798.766.703)	4.526.757.199
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.694.826.778)	(1.399.146.454)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		2.319.611.449	2.739.927.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.410.521.000)	(3.436.385.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		177.760.000	1.398.385.667
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		398.536.836	396.650.718
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.209.439.493)	(300.567.796)

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVIDEO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-		-	
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.19	2.679.278.008		-	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.19	(500.000.000)		(1.414.000.000)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(190.000)		(7.843.667)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.179.088.008		(1.421.843.667)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.829.118.188)		2.804.345.736	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	4.130.978.162		1.326.632.426	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		232.400		-	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	1.302.092.374		4.130.978.162	

Lập ngày 28 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



Đồng Thị Thắm

Nguyễn Thị Hoa Huệ

Mai Hồng Bằng

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác khoáng sản, thương mại, xây lắp.
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
 - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
 - Cát tạo dáng và hoàn thiện đá;
 - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; bán buôn kim loại và quặng kim loại;
 - Hoàn thiện công trình xây dựng;
 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty có 36 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 32 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng thì được trích lập theo xét đoán của Ban giám đốc và các thông tin về giá giao dịch của các cổ phiếu này từ các nguồn khác nhau.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVIDEO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Trích lập các quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành; Là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.082 VND/USD

31/12/2012 : 20.828 VND/USD

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì: đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chi được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

VINAVICO

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	13.592.240	61.511.550
Tiền gửi ngân hàng	1.288.500.134	4.069.466.612
Cộng	<u>1.302.092.374</u>	<u>4.130.978.162</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn				
- Công ty Cổ phần Xi măng xây dựng Quảng Ninh	24	665.055	24	665.055
- Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và Thương mại Việt Nam	23.900	301.660.000	23.900	301.660.000
Cộng		<u>302.325.055</u>		<u>302.325.055</u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	61.165.530	235.274.818
Dự phòng cho các khoản đầu tư ngắn hạn khác	-	-
Cộng	<u>61.165.530</u>	<u>235.274.818</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	235.274.818
Trích lập dự phòng bổ sung	2.402.000
Hoàn nhập dự phòng	(176.511.288)
Số cuối năm	<u>61.165.530</u>

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đá tự nhiên Vnstone	5.505.345.442	3.306.984.086
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Tân Phong	4.258.576.039	4.374.075.923
Công ty Cổ phần Đầu tư giải pháp Việt	2.019.999.999	1.360.000.000
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Tiên Phong	1.305.359.802	1.332.611.221
Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại 30-4	1.182.977.098	-
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Nam Hà Nội	1.091.096.267	-
Công ty Cổ phần Golden Gain Việt Nam	794.580.249	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	758.731.483	4.234.784.577
Công ty TNHH TM & SX Ngọc Diệp	568.498.909	1.268.498.909
For 20MICRONS INDIA BUSINESS	478.746.578	-
Công ty TNHH Vinafame	234.251.878	235.051.878
Công ty Cổ phần Xây dựng 1/5	-	3.200.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Phát triển đô thị Nam Thăng Long	-	1.772.746.651
Công ty TNHH Xây dựng và Sản xuất vật liệu Sông Hồng	-	591.103.500
Công ty TNHH Nam Minh Hoàng	-	342.793.501
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Cường Hà Nội	-	329.999.999
Công ty TNHH Vitilen	-	284.151.747
Đối tượng khác	153.882.212	449.735.870
Cộng	<u>18.352.045.956</u>	<u>23.082.537.862</u>

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư giải pháp Việt	1.160.000.000	1.160.000.000
Công ty Cổ phần Đá tự nhiên Vnstone	1.133.077.737	488.755.923
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Tân Phong	306.700.670	-
Công ty Cổ phần Tư vấn khảo sát thiết kế Thành Công	199.608.307	199.608.307
Al Abbas For Marble And Granite Co.,Ltd	143.066.200	-
Doanh nghiệp Tư nhân Long Thành	90.830.000	90.830.000
China Refine Industry Co., Ltd	59.136.132	-
Lã Văn Thường	55.000.000	-
Xiamen Longshunda Trading Co.,Ltd	53.111.400	53.111.400
Văn phòng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	50.000.000	50.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí ô tô Hùng Vân	35.085.119	35.085.119
Nguyễn Thành Bao	-	5.489.545.000
Đối tượng khác	96.266.073	387.107.170
Cộng	<u>3.381.881.638</u>	<u>7.954.042.919</u>

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về hỗ trợ tài chính	3.618.495.390	3.618.495.390
Phải thu tiền hỗ trợ làm giấy đăng ký thay thác mỏ	200.000.000	200.000.000
Phải thu tiền cổ tức	72.540.200	133.383.384
Phải thu khác	4.253.500	4.253.500
Cộng	<u>3.895.289.090</u>	<u>3.956.132.274</u>

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	3.467.002.526	579.529.032
Trích lập dự phòng bổ sung	1.057.355.539	3.182.709.049
Hoàn nhập dự phòng	-	(295.235.555)
Số cuối năm	<u>4.524.358.065</u>	<u>3.467.002.526</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	278.483.941	360.846.749
Công cụ, dụng cụ	148.074.611	129.574.611
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.384.753.918	6.669.636
Thành phẩm	11.497.717.255	8.287.607.107
Hàng hóa	1.192.828.746	936.809.226
Hàng gửi đi bán	45.771.707	45.771.707
Cộng	<u>15.547.630.178</u>	<u>9.767.279.036</u>

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	44.521.123	139.796.014
Chi phí Bảo hiểm	23.476.493	19.553.547
Chi phí sửa chữa	58.412.150	27.473.710
Chi phí thuê nhà	-	49.588.734
Chi phí vận chuyển	26.800.000	-
Chi phí khác	35.508.603	44.039.378
Cộng	<u>188.718.369</u>	<u>280.451.383</u>

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	9.039.761.395	11.642.123.068
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	50.000.000	20.600.000
Cộng	<u>9.089.761.395</u>	<u>11.662.723.068</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	3.584.749.996	14.469.183.748	4.535.050.281	431.822.602	23.020.806.627
Tăng trong năm	15.700.393.625	1.477.719.000	-	-	17.178.112.625
Mua sắm mới	-	1.331.955.000	-	-	1.331.955.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	15.700.393.625	145.764.000	-	-	15.846.157.625
Giảm trong năm	-	(4.621.907.277)	(77.739.089)	(370.877.148)	(5.070.523.514)
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.400.000.000)	-	-	(4.400.000.000)
Giảm do không đủ điều kiện ghi nhận theo TT 45/2013/TT-BTC	-	(221.907.277)	(77.739.089)	(370.877.148)	(670.523.514)
Số cuối năm	19.285.143.621	11.324.995.471	4.457.311.192	60.945.454	35.128.395.738
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	87.500.000	-	-	87.500.000
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	357.250.452	3.338.626.388	1.480.528.193	271.382.842	5.447.787.875
Tăng trong do khấu hao trong năm	671.078.620	1.635.063.036	511.886.064	35.908.066	2.853.935.786
Giảm trong năm	-	(1.119.860.732)	(77.739.089)	(260.500.535)	(1.458.100.356)
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.038.888.884)	-	-	(1.038.888.884)
Giảm do không đủ điều kiện ghi nhận theo TT 45/2013/TT-BTC	-	(80.971.848)	(77.739.089)	(260.500.535)	(419.211.472)
Số cuối năm	1.028.329.072	3.853.828.692	1.914.675.168	46.790.373	6.843.623.305
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	3.227.499.544	11.130.557.360	3.054.522.088	160.439.760	17.573.018.752
Số cuối năm	18.256.814.549	7.471.166.779	2.542.636.024	14.155.081	28.284.772.433
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 1.811.113.455 VND và 1.177.223.749 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của tại Sở giao dịch III - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Giảm trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Nguyên giá	51.400.000	-	-	51.400.000
Giá trị hao mòn	(19.703.339)	(10.280.004)	-	(29.983.343)
Giá trị còn lại	<u>31.696.661</u>		<u>(10.280.004)</u>	<u>21.416.657</u>

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm TSCĐ	6.087.988.028	-	-	(432.117.050)	5.655.870.978
<i>Cần trục tháp 2984</i>	<i>2.970.613.689</i>	-	-	-	<i>2.970.613.689</i>
<i>Cần trục tháp 2987</i>	<i>2.685.257.289</i>	-	-	-	<i>2.685.257.289</i>
<i>Máy phát điện 135 KVA</i>	<i>432.117.050</i>	-	-	(432.117.050)	-
XDCB dở dang	43.920.002.402	10.782.747.924	(15.846.157.625)	(13.237.450.715)	25.619.141.986
<i>Nhà VP tại 169 Nguyễn Ngọc Vũ</i>	-	<i>6.845.906.409</i>	<i>(6.845.906.409)</i>	-	-
<i>Mỏ đá Thâm Then – Yên Bái⁽ⁱ⁾</i>	<i>20.232.199.384</i>	<i>318.340.243</i>	<i>(7.313.088.912)</i>	<i>(13.237.450.715)</i>	-
<i>Mỏ đá Khau Ca – Yên Bái⁽ⁱⁱ⁾</i>	<i>22.000.640.714</i>	<i>95.189.985</i>	-	-	<i>- 22.095.830.699</i>
<i>Mỏ đá đen Pha Xúm – Thanh Hóa</i>	<i>1.687.162.304</i>	-	<i>(1.687.162.304)</i>	-	-
<i>Dự án nhà máy Nghiễn bột</i>	-	<i>3.850.257.532</i>	-	-	<i>- 3.850.257.532</i>
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	-	-	-	-
Cộng	<u>50.007.990.430</u>	<u>11.109.694.169</u>	<u>(15.846.157.625)</u>	<u>(13.669.567.765)</u>	<u>31.601.959.209</u>

(i) Theo quyết định số 54/QĐ-HDQQT- Vinavico ngày 05/03/2010, HĐQT Công ty phê duyệt dự án khai thác đá hoa trắng khu vực phía núi Thâm Then, xã Tân Lập, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Tổng mức đầu tư của dự án là 155.006.118.000 VNĐ trong thời gian 30 năm (từ 4/2010 đến 4/2040).

(ii) Theo quyết định 600B/QĐ/VINAVICO-HĐQT ngày 27/12/2010, HĐQT công ty phê duyệt dự án khai thác đá hoa khu vực núi Khau Ca, xã An Phú, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Tổng mức đầu tư của dự án là 53.429.360.440 VNĐ trong thời gian 30 năm. Mỏ đá Khau Ca được hình thành thông qua việc góp vốn bằng quyền thăm dò mỏ với tổng số tiền 14,4 tỷ VNĐ từ các năm trước của Công ty Cổ phần Đầu tư và Khai thác mỏ Vinavico. Ngoài ra chi phí xây dựng cơ bản dở dang mỏ đá này còn bao gồm tiền đền bù giải phóng mặt bằng, khoan thăm dò và các chi phí lương, vật tư và các chi phí khác liên quan. Tại thời điểm phát hành báo cáo, Công ty chưa có giấy phép khai thác mỏ để đưa vào hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Đầu tư vào công ty con

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đá tự nhiên VnStone. Khoản đầu tư này được phân loại sang đầu tư vào Công ty liên kết do thay đổi tỷ lệ góp vốn vào Công ty Cổ phần Đá tự nhiên VnStone.

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đá tự nhiên VnStone. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105451585 thay đổi lần 02 ngày 22 tháng 01 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đá tự nhiên VnStone 7.350.000.000 VND tương đương 49% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã đầu tư thêm 1.410.521.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã đầu tư 7.335.397.909 VND, tương đương 48,9% vốn điều lệ, số vốn còn phải góp là 14.602.091 VND.

16. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Năng lượng Việt Nam	83	1.209.085	52.883	770.362.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại Việt Nam (*)	15.000	262.500.000	15.000	262.500.000
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Quảng Nam	400.000	5.000.000.000	400.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Cơ điện Nông nghiệp và Thủy lợi II	12.052	2.096.000.000	12.052	2.096.000.000
Công ty Cổ phần VRG Bảo Lộc	50.000	1.000.000.000	50.000	1.000.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình	18.343	732.000.000	18.343	732.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin và Truyền thông Nam Việt	25.000	250.000.000	25.000	250.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Công nghệ thông tin Vinavico	8.000	80.000.000	8.000	80.000.000
Cộng		9.421.709.085		10.190.862.000

(*)Cổ phiếu này đã hủy niêm yết ngày 20 tháng 12 năm 2013.

17. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu niêm yết	984.985	858.654.500
Dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu hủy niêm yết	111.224.483	-
Dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu khác (**)	2.521.957.600	4.937.103.400
Cộng	2.634.167.068	5.795.757.900

(**) Khoản dự phòng này được trích lập dựa trên xét đoán của Ban Giám đốc và các thông tin về giá giao dịch của các cổ phiếu từ các nguồn khác nhau. Ban Giám đốc lưu ý rằng độ tin cậy về giá thị trường của các cổ phiếu dùng để trích lập dự phòng giảm giá đầu tư của các cổ phiếu này là chưa cao.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	5.795.757.900	-
Trích lập dự phòng bổ sung	61.367.985	5.795.757.900
Hoàn nhập dự phòng	(3.222.958.817)	-
Số cuối năm	<u>2.634.167.068</u>	<u>5.795.757.900</u>

18. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Công cụ dụng cụ	147.826.956	374.108.182	(245.594.037)	276.341.101
Chi phí đăng ký tên miền	4.009.314	-	(2.466.921)	1.542.393
Chi phí đầu tư mở	-	13.198.261.475	(287.425.401)	12.910.836.074
Chi phí sửa chữa	133.333.335	-	(99.999.996)	33.333.339
Chi phí khác	34.253.870	199.908.300	(121.244.176)	112.917.994
Cộng	<u>319.423.475</u>	<u>13.772.277.957</u>	<u>(756.730.531)</u>	<u>13.334.970.901</u>

19. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ⁽ⁱ⁾	2.179.278.008	-
Cộng	<u>2.179.278.008</u>	<u>-</u>

⁽ⁱ⁾ Khoản vay tại Sở giao dịch III - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được thế chấp bằng Xe ô tô Toyota Land Cruise Prado TX - L 2.7 L, biển kiểm soát số 30Z-8451.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay trong năm

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	2.179.278.008		2.179.278.008
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	-	500.000.000	(500.000.000)	-
Cộng	<u>-</u>	<u>2.679.278.008</u>	<u>(500.000.000)</u>	<u>2.179.278.008</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
V - Trac Holdings LTD (*)	29.578.607.200	29.221.684.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh xi măng Miền Bắc	863.007.818	432.723.000
Cty TNHH ĐTVT lâm nghiệp và XD Thành Đạt	179.949.852	449.679.852
Công ty TNHH Latca-PM	126.400.000	62.000.000
Công ty Cổ phần Giao nhận vận tải Ngoại thương	105.806.161	28.885.506
Công ty TNHH XD và TM Hải Thuận	-	533.312.336
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Tân Phong	-	504.300.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	-	422.062.423
Công ty Cổ phần máy và thiết bị Phú Toàn	-	325.050.000
Công ty cổ phần Vũ Trung	-	238.172.000
Nguyễn Tuấn Nghĩa	-	106.800.000
Đối tượng khác	819.129.680	696.911.231
Cộng	<u>31.672.900.711</u>	<u>33.021.580.348</u>

(*) Là khoản phải trả cho những hợp đồng mua máy móc thiết bị từ năm 2010. Tuy nhiên, do không liên lạc được với V - Trac Holdings LTD nên Công ty chưa thanh toán khoản công nợ này.

21. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH VIBANK- NGT	972.982.615	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Anh Tuấn	418.746.412	300.000.000
Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân đội	853.368.095	513.141.397
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Nam Hà Nội	-	1.449.837.200
Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại 30-4	-	731.338.754
Công ty Cổ phần Golden Gain Việt Nam	-	136.579.229
Công ty TNHH MTV 129 - Ban Cơ yếu Chính Phủ	-	58.041.484
Ông Mai Văn Sơn	130.000.000	-
Đối tượng khác	42.000.000	40.000.000
Cộng	<u>2.417.097.122</u>	<u>3.228.938.064</u>

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	410.753.063	(410.753.063)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	114.824.219	(114.824.219)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.281.622.091	-	(653.200.066)	-	1.628.422.025
Thuế thu nhập cá nhân	437.148.593	46.340.637	-	-	483.489.230
Thuế tài nguyên	29.128.000	-	(21.599.800)	(7.528.200)	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	6.441.714	(6.441.714)	-	-
Cộng	<u>2.747.898.684</u>	<u>582.359.633</u>	<u>(1.210.818.862)</u>	<u>(7.528.200)</u>	<u>2.111.911.255</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(39.514.433)	(5.615.057.325)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(1.949.195.104)	5.045.138.425
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.684.749.917	5.327.098.725
Chi phí không đủ chứng từ, không hợp lệ	10.400.000	73.950.939
Chi phí dự phòng các khoản phải thu khác	-	990.301.195
Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	75.000.000	120.000.000
Chi phí lương năm 2011 ghi nhận trong 2012	-	674.485.740
Chi phí khấu hao ô tô vượt 1,6 tỷ	21.111.346	-
Khấu hao của nhà cửa chưa có quyền sở hữu	109.496.022	-
Tăng/giảm doanh thu chưa xuất hóa đơn	4.952.855.786	(4.952.855.786)
Tăng/giảm giá vốn hàng bán tương ứng	(3.484.113.237)	3.484.113.237
Dự phòng giảm giá cổ phiếu OTC	-	4.937.103.400
- Các khoản điều chỉnh giảm	(3.633.945.021)	(281.960.300)
Cổ tức được nhận	(234.474.916)	(281.960.300)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá cổ phiếu OTC cuối năm trước	(3.399.470.105)	-
Thu nhập chịu thuế	(1.988.709.537)	(569.918.900)
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	(1.988.709.537)	(569.918.900)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	-	-

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

23. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công trình	3.900.902	658.298.410
Chi phí vận chuyển bốc dỡ	11.195.000	-
Chi phí lãi vay	8.717.112	-
Trích trước chi phí khác	143.286.763	75.454.545
Cộng	167.099.777	733.752.955

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	39.802.159	43.739.936
BHXH, BHYT, BHTN	200.451.427	153.804.327
Cổ tức năm 2010	42.300.184	42.300.184
Cổ tức năm 2011	-	4.544.000.000
Phải trả CBCNV về hoàn ứng thừa chi phí dự án	287.655.225	-
Phải trả về tiền thù lao HDQT	45.000.000	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	31.437.500	-
Cộng	<u>646.646.495</u>	<u>4.783.844.447</u>

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	(153.753.828)	(25.000.000)	(178.753.828)
Quỹ phúc lợi	205.826	(38.600.000)	(38.394.174)
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	25.279.000	-	25.279.000
Cộng	<u>(128.269.002)</u>	<u>(63.600.000)</u>	<u>(191.869.002)</u>

26. Doanh thu chưa thực hiện

Là doanh thu nhận trước hợp đồng số 859 ngày 10/10/2013 – Hợp đồng cung cấp và lắp đặt Đá tự nhiên cho Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

27. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu						
Số đầu năm trước	92.000.000.000	6.298.680.000	-	(1.686.650.000)	707.257.366	599.129.304	5.020.737.696	102.939.154.366
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	(5.982.242.962)	(5.982.242.962)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	-	(4.544.000.000)	(4.544.000.000)
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	100.414.754	125.286.057	(476.737.696)	(251.036.885)
Số dư cuối năm trước	92.000.000.000	6.298.680.000	-	(1.686.650.000)	807.672.120	724.415.361	(5.982.242.962)	92.161.874.519
Số dư đầu năm nay	92.000.000.000	6.298.680.000	-	(1.686.650.000)	807.672.120	724.415.361	(5.982.242.962)	92.161.874.519
Tăng vốn do trả cổ tức bằng cổ phiếu	4.543.810.000	-	-	-	-	-	-	4.543.810.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	327.671.204	327.671.204
Số dư cuối năm nay	96.543.810.000	6.298.680.000	-	(1.686.650.000)	807.672.120	724.415.361	(5.654.571.758)	97.033.355.723

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn điều lệ đã đầu tư (VND)	Vốn điều lệ còn phải đầu tư (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Mai Hồng Bằng	19.355.220.000	20,05%	19.355.220.000	-
Các cổ đông khác	77.188.590.000	79,95%	77.188.590.000	-
Cộng	96.543.810.000	100,00%	96.543.810.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trả cổ tức năm trước bằng cổ phiếu	4.543.810.000	-
Cộng	4.543.810.000	-

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.654.381	9.200.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	9.654.381	9.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.654.381	9.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	112.000	112.000
- Cổ phiếu phổ thông	112.000	112.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.542.381	9.088.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.542.381	9.088.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	26.004.112.137	31.952.291.485
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	13.276.893.484	12.577.844.219
- Doanh thu hoạt động xây dựng	12.727.218.653	19.374.447.266
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(39.522.168)	-
- Thuế xuất khẩu	(39.522.168)	-
Doanh thu thuần	25.964.589.969	31.952.291.485
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm	13.237.371.316	12.577.844.219
- Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	12.727.218.653	19.374.447.266

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã cung cấp	12.578.319.389	10.545.578.892
Giá vốn của hợp đồng xây	9.320.822.497	11.814.120.227
Cộng	21.899.141.886	22.359.699.119

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	86.222.069	18.156.667
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	20.344.166	28.128.638
Lãi cho vay	16.996.667	-
Cổ tức được chia	234.474.916	281.960.300
Doanh thu tài chính khác	2.081.876	1.612.666
Cộng	<u>360.119.694</u>	<u>329.858.271</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	85.930.256	173.678.345
Lỗ chênh lệch đã thực hiện	17.127.751	-
Lỗ chênh lệch chưa thực hiện	332.085.292	37.337.285
Lỗ do đầu tư chứng khoán	591.392.915	2.608.269.560
Dự phòng các khoản đầu tư	63.769.985	1.302.679.718
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư	(3.399.470.105)	-
Chi phí tài chính khác	3.709.193	702.672.000
Cộng	<u>(2.305.454.713)</u>	<u>4.824.636.908</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	414.441.501	678.054.668
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	17.413.582	56.448.689
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.162.188	7.211.473
Chi phí dịch vụ mua ngoài	144.197.342	1.697.892.157
Chi phí bằng tiền khác	68.171.403	238.194.848
Cộng	<u>651.386.016</u>	<u>2.677.801.835</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	1.894.934.130	3.314.790.559
Chi phí đồ dùng văn phòng	195.138.713	105.118.953
Chi phí khấu hao TSCĐ	435.941.773	299.639.284
Thuế, phí và lệ phí	(5.377.600)	650.000
Chi phí dự phòng	1.057.355.539	2.887.473.494
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.220.446.594	1.711.677.977
Chi phí bằng tiền khác	273.605.948	737.977.863
Cộng	<u>5.072.045.097</u>	<u>9.057.328.130</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	2.527.611.449	5.939.927.273
Thu từ xuất bán sản phẩm dùng thử cho khách hàng	46.931.818	-
Bảo Việt đền bù tai nạn thiết bị CAT 330D	-	420.506.000
Thu nhập khác	2.911	24.152.985
Cộng	<u>2.574.546.178</u>	<u>6.384.586.258</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thanh lý tài sản	3.569.111.116	5.341.422.939
Chi phí không có hóa đơn hợp lệ	10.400.000	-
Chi phí tiền đặt cọc không thu hồi được	40.600.000	-
Xử lý công nợ	1.540.844	-
Chi phí khác	28	20.904.408
Cộng	<u>3.621.651.988</u>	<u>5.362.327.347</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	327.671.204	(5.982.242.962)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	327.671.204	(5.982.242.962)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.542.381	9.542.381
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>34</u>	<u>(627)</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	9.088.000	9.088.000
Ảnh hưởng của việc chia cổ tức bằng cổ phiếu	454.381	454.381
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>9.542.381</u>	<u>9.542.381</u>

Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2012 đã trình bày trên Báo cáo tài chính năm 2012 là âm 658 VND. Do ảnh hưởng của việc chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2013, chỉ tiêu này đã được xác định lại và trình bày trên cột số liệu so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh năm nay là âm 627 VND.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Công ty đã quyết định chi trả cổ tức bằng cổ phiếu số tiền 4.543.810.000 VND tương đương với 454.381 cổ phiếu.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ban điều hành		
Tạm ứng	208.737.000	339.171.700
Hoàn ứng	202.206.178	643.634.351
Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị	-	46.000.000
Ban điều hành	2.279.793.796	2.312.394.842
Cộng nợ phải thu	2.279.793.796	2.358.394.842
Hội đồng quản trị	45.000.000	45.000.000
Cộng nợ phải trả	45.000.000	45.000.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	440.937.779	869.864.107
Cộng	440.937.779	869.864.107

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đá tự nhiên Vnstone	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng và Khai thác mỏ Vinaico	Công ty trong cùng hệ thống

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Đá tự nhiên Vnstone		
Bán hàng cho VnStone	2.821.446.570	1.773.559.556
Mua nguyên liệu, hàng hóa và thuê nhân công của VnStone	4.714.913.938	4.876.346.660

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đá tự nhiên VnStone	5.509.598.942	3.311.237.586
Phải thu hỗ trợ dự án	4.253.500	4.253.500
Phải thu giá trị bán hàng và xây lắp	5.505.345.442	3.306.984.086

Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng và khai thác mỏ Vinaico

Phải thu giá trị xây lắp	30.018.284	30.018.284
Phải thu tiền hỗ trợ dự án	200.000.000	200.000.000

Cộng nợ phải thu **5.739.617.226** **3.541.255.870**

Công ty Cổ phần Đá tự nhiên VnStone

Trả trước tiền mua hàng	1.133.077.737	488.755.923
Cộng nợ khách hàng ứng trước	1.133.077.737	488.755.923

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính bao gồm:

- Lĩnh vực xây lắp: lắp đặt sản phẩm đá cho các dự án.
- Lĩnh vực kinh doanh thương mại: bán bột đá và đá.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực kinh doanh thương mại	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	12.727.218.653	13.237.371.316	25.964.589.969
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.727.218.653	13.237.371.316	25.964.589.969
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	3.406.396.156	659.051.927	4.065.448.083
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(5.723.431.113)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(1.657.983.030)
Doanh thu hoạt động tài chính			360.119.694
Chi phí tài chính			2.305.454.713
Thu nhập khác			2.574.546.178
Chi phí khác			(3.621.651.988)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			367.185.637
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			327.671.204
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			(30.950.390.582)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			(3.620.946.321)
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	19.374.447.266	12.577.844.219	31.952.291.485
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.374.447.266	12.577.844.219	31.952.291.485
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	7.560.327.039	2.032.265.327	9.592.592.366
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(11.735.129.965)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(2.142.537.599)
Doanh thu hoạt động tài chính			329.858.271
Chi phí tài chính			(4.824.636.908)
Thu nhập khác			6.384.586.258
Chi phí khác			(5.362.327.347)

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực kinh doanh thương mại</u>	<u>Cộng</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(367.185.637)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			(5.982.242.962)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			(4.009.806.170)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			(4.093.024.918)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực kinh doanh thương mại</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	36.683.374.509	18.200.555.731	54.883.930.240
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			82.355.225.732
Tổng tài sản			137.239.155.972
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	5.506.457.544	29.589.802.200	35.096.259.744
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			5.109.540.505
Tổng nợ phải trả			40.205.800.249
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	58.792.688.533	10.023.640.942	68.816.329.475
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			68.892.193.840
Tổng tài sản			137.708.523.315
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	658.298.410	29.221.684.000	29.879.982.410
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			15.666.666.386
Tổng nợ phải trả			45.546.648.796

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.302.092.374	-	1.302.092.374
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	302.325.055	302.325.055
Phải thu khách hàng	12.956.038.847	5.396.007.109	18.352.045.956
Các khoản phải thu khác	626.793.700	3.318.495.390	3.945.289.090
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	6.300.000.000	3.121.709.085	9.421.709.085
Cộng	21.184.924.921	12.138.536.639	33.323.461.560
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.130.978.162	-	4.130.978.162
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	302.325.055	302.325.055
Phải thu khách hàng	17.918.630.199	5.163.907.663	23.082.537.862
Các khoản phải thu khác	658.236.884	3.318.495.390	3.976.732.274
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.250.000.000	8.940.862.000	10.190.862.000
Cộng	23.957.845.245	17.725.590.108	41.683.435.353

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Vay và nợ	2.179.278.008	-	-	2.179.278.008
Phải trả người bán	31.672.900.711	-	-	31.672.900.711
Các khoản phải trả khác	569.591.784	-	-	569.591.784
Cộng	34.421.770.503	-	-	34.421.770.503
Số đầu năm				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	33.021.580.348	-	-	33.021.580.348
Các khoản phải trả khác	4.661.754.729	-	-	4.661.754.729
Cộng	37.683.335.077	-	-	37.683.335.077

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND,

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm USD	Số đầu năm USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.065,83	31.999,80
Phải thu khách hàng	12.892,28	9.560,00
Phải trả người bán	(1.412.592,00)	(1.403.000,00)
Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ	(1.365.633,89)	(1.361.440,20)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 575.805.873 VND (năm trước giảm/tăng 567.341.148 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 43.585.560 VND (năm trước không ảnh hưởng).

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu giá các chứng khoán Công ty đang đầu tư tăng/giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ tăng 69.870.155 VND hoặc giảm 702.870.154 VND.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.302.092.374	-	4.130.978.162	-	1.302.092.374	4.130.978.162
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	302.325.055	(61.165.530)	302.325.055	(235.274.818)	241.159.525	67.050.237
Phải thu khách hàng	18.352.045.956	(2.808.813.238)	23.082.537.862	(1.948.808.331)	15.543.232.718	21.133.729.531
Các khoản phải thu khác	3.945.289.090	(1.715.544.827)	3.976.732.274	(1.518.194.195)	2.179.744.263	2.437.938.079
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	9.421.709.085	(2.634.167.068)	10.190.862.000	(5.795.757.900)	6.787.542.017	4.395.104.100
Cộng	33.323.461.560	(7.219.690.663)	41.683.435.353	(9.498.035.244)	26.053.770.897	32.164.800.109

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Vay và nợ	2.179.278.008	-	2.179.278.008
Phải trả người bán	31.672.900.711	33.021.580.348	31.672.900.711	33.021.580.348
Các khoản phải trả khác	569.591.784	4.661.754.729	569.591.784	4.661.754.729
Cộng	34.421.770.503	37.683.335.077	34.421.770.503	37.683.335.077

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được ước tính theo xét đoán của Ban Giám đốc và các thông tin về giá giao dịch của các cổ phiếu từ các nguồn khác.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

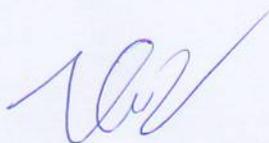
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

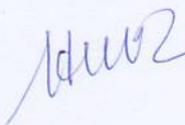
5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính năm trước đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DTL.

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2014



Đòng Thị Thắm
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hoa Huế
Phụ trách kế toán



Mai Hồng Bằng
Tổng Giám đốc